

Bản án số: 03/2020/HNGĐ-ST

Ngày 24 - 9 - 2020

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con,
chia công nợ chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC MÊ, TỈNH HÀ GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Văn Công.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Cao.

Ông Hà Mạnh Nô.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Thiều Thị Minh Huyền - Thư ký viên tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa:* Bà Bàn Thị Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 24/9/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 29/2020/TLST-HNGĐ ngày 15/6/2020 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, cấp dưỡng nuôi con và chia công nợ chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/9/2020; quyết định thay đổi người tiến hành tố tụng giải quyết sơ thẩm vụ án dân sự số 01/QĐ-TA ngày 17/9/2020 và quyết định số 02/QĐ-TA ngày 18/9/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Lý Ngọc T; Sinh năm 1979.

Nơi đăng ký HKTT: Thôn P, xã P, huyện B, tỉnh Hà Giang.

Chỗ ở hiện nay: Thôn N, xã P, huyện V, tỉnh Hà Giang.

Nghề nghiệp: Trồng trọt (Có mặt).

2. Bị đơn: Chị Sùng Thị V; Sinh năm 1978.

Nơi công tác: UBND xã P, huyện B, tỉnh Hà Giang.

Nơi cư trú: Thôn P, xã P, huyện B, tỉnh Hà Giang.

Nghề nghiệp: Cán bộ (Có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

- Anh: Sùng Mí G; Sinh năm 1976.

Nơi cư trú: Thôn P, xã P, huyện B, tỉnh Hà Giang (Có mặt).

- Chị: Sùng Thị M; Sinh năm 1989.

Nơi cư trú: Thôn P, xã P, huyện B, tỉnh Hà Giang (Vắng mặt có lý do).

4. Người phiên dịch tiếng Mông:

Ông: Giàng A Hàng; Sinh năm 1961.

Nơi cư trú: Thôn HI, xã L, huyện B, tỉnh Hà Giang (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 02/6/2020, bản tự khai và các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, tại phiên tòa nguyên đơn anh Lý Ngọc T trình bày:

Anh và chị Sùng Thị V đăng ký kết hôn ngày 09/9/2008, tại UBND xã P, huyện B, tỉnh Hà Giang được tìm hiểu nhau khoảng một năm trên cơ sở tự nguyện kết hôn, không bên nào bị ép buộc.

Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn gia đình: Là do vợ khó tính cách ứng xử không đúng mực, coi thường chồng, không trung thực. Trong cuộc sống vợ luôn tranh luận kiểu lý cùn, đúng sai không cần biết, cãi bằng thẳng, nói đến cái sai của vợ không thừa nhận hoặc lấy cái sai của tôi từ rất lâu nhắc đi, nhắc lại rất nhiều lần, mỗi khi cãi nhau vợ lại nói ra, tôi có lỡ miệng nói hai đến ba lần thì thôi. Nhưng vợ mỗi lần nói nhau, cãi nhau lại mang ra nhieéc móc tôi, khiến rất khó chịu. Mỗi lần cãi nhau vợ thường đụng chạm đến mẹ và anh em ruột tôi, trách tôi nghe lời mẹ và em gái. Hàng năm về quê ăn tết vợ rất khó chịu thậm chí chỉ cãi nhau vì về tết có năm tôi và con về trước, thấy vợ không mặn mà, tình cảm với ông bà nội, anh em bên nội, sợ trách nhiệm gia đình nhà chồng. Tôi bàn chuyện làm kinh tế tạo thu nhập cho gia đình hoặc làm một việc gì đó nhưng đa số vợ phản đối hoặc bác bỏ, nhiều lúc tôi rất chán nản không thoải mái về tư tưởng. Việc nảy sinh mâu thuẫn từ năm 2010 khi đó con nhỏ, cả hai cố nhường nhịn nhau để sống. Tuy nhiên, những năm gần đây, tình cảm giữa hai người thay đổi xấu đi nhiều, nên cuối năm 2018 tôi bỏ đi về Hải Phòng làm công nhân, được 5 tháng. Trong thời gian đó vợ thường xuyên nhắn tin, gọi điện nài nỉ tôi quay về nhà sống cùng vợ con. Tết Nguyên đán 2019 tôi ăn tết cùng bố mẹ ở quê, vợ xuống mục đích là để nói chuyện gia đình, nhưng vô tình tôi làm chị V ngã từ cầu thang xuống. Thấy vậy tôi mời chú thím và cán bộ thôn đến nói chuyện nhưng không lập biên bản, mọi người chủ yếu phân tích đúng, sai của hai vợ chồng. Sau đó chị V đã nhận và hứa sửa những cái sai của mình và tôi nhận cái sai của mình không hành hung với vợ nữa, cả hai thống nhất với nhau từ giờ trở đi, hai người kiểm chế, không nói nặng lời với nhau, có việc gì thì hai người bàn bạc, thống nhất rồi thực hiện.

Khoảng tháng 3/2019 cả hai vợ chồng chung sống với nhau, sau đó tôi phát hiện ra vợ không thực hiện được lời hứa của mình, hay gọi điện nhắn tin cho người khác, tôi hỏi nhiều lần về nội dung những tin nhắn, cuộc gọi đó, nhưng vợ nói do trao đổi công việc, có lúc im lặng không nói. Thấy thế tôi gọi mẹ vợ, 02 em trai của vợ đến nói chuyện, vợ nói là nhắn tin, gọi điện trao đổi công việc. Xong vợ hứa không gọi điện, nhắn tin nữa. Tuy nhiên, thời gian sau đó không lâu, phát hiện vợ tôi vẫn nhắn tin, gọi điện cho người khác. Tôi tiếp tục hỏi, nhưng trả lời quanh co, không hợp lý. Những nội dung đó trên điện thoại vợ xóa hết, tôi chỉ tra cứu trên ứng dụng my viettel mới phát hiện. Như vậy vợ không trung thực, không giữ lời hứa nên viết đơn yêu cầu ly hôn với chị Sùng Thị V. Thấy cuộc sống vợ chồng không thể chung sống được nên từ tháng 3/2020 tôi về nhà bố mẹ để ở tại Thôn N, xã P, huyện V, tỉnh Hà Giang đến nay. Mức thu nhập làm ruộng khoảng 3.000.000đ/tháng (ba triệu đồng), ngoài ra không có thu nhập thêm gì.

Về con chung: Có 2 con Lý Trường K, sinh ngày 05/7/2007, hiện nay đang học lớp 8B, Trường phổ thông dân tộc nội trú huyện B, tỉnh Hà Giang; con thứ hai: Lý Danh N, sinh ngày 23/9/2009, hiện nay đang học lớp 6D, Trường THCS Yên Phú, huyện B, tỉnh Hà Giang. Hai cháu hiện tại đang ở với chị Sùng Thị V.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên không kê khai.

Về công nợ chung: Đầu tháng 6/2017 vay tiền của anh Sùng Mí G, số tiền 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng); Ngày 12/3/2019 vay tiền của anh Lầu Mí M (đã chết) có vợ chị Sùng Thị M, số tiền 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng). Điều cư trú tại: Thôn P, xã P, huyện B, tỉnh Hà Giang. Mục đích vay trả tiền thuê xe gỗ, kéo gỗ làm nhà và trang trải việc gia đình, tổng cộng 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) vợ chồng vay những người trên là có mối quan hệ cháu bên chị Sùng Thị V nên không có giấy tờ gì. Đối với số tiền nợ của anh Lầu Sáu V khi khởi kiện tôi có khai vay anh V và 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) buổi hòa giải tại tòa án ngày 08/9/2020 thông báo tôi được biết số tiền vay của anh V 20.000.000đ chị Sùng Thị V đã trả anh V, nên anh V không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa yêu cầu giải quyết: Về quan hệ hôn nhân xin ly hôn chị Sùng Thị V; Về con chung nguyện vọng được nuôi cháu Lý Trường K và Lý Danh N, yêu cầu chị V có trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con Lý Danh N 1.000.000đ/tháng (một triệu đồng) đến khi con đủ 18 tuổi; Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết; Công nợ chung của vợ chồng: Yêu cầu chị Sùng Thị V có trách nhiệm trả nợ tổng số tiền 30.000.000đ cho anh Sùng Mí G 15.000.000đ và chị Sùng Thị M 15.000.000đ.

Bị đơn chị Sùng Thị V tại bản tự khai, các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ, và tại phiên tòa trình bày: Về thời gian xây dựng gia đình, tìm hiểu nhau, đăng ký kết hôn, con chung nguyên đơn anh T trình bày là đúng đến thời điểm tại phiên tòa hôm nay; nguyên nhân mâu thuẫn gia đình: Khoảng tháng 8/2008, chồng không chung thủy với vợ có đi với người khác, xong đến tháng 12/2008, anh T làm thủ quỹ dự án chia sẻ, bị mất 10.000.000đ (mười triệu đồng), tôi biết chồng tôi đã lấy về nhà tôi đã bao che cho chồng, hy sinh hết lòng vì chồng, nhưng chồng không để ý chỉ chăm chăm vào những việc tôi không làm cho chồng, không hiểu tại sao mình còn kiên trì ở với chồng đến bây giờ. Đến năm 2010 khi sinh cháu Lý Danh N được 11 tháng tuổi xã cử đi học, đến năm 2011 con ở với anh T. Thời gian đi học gặp các bạn có nhậu ở trường chính trị, anh T đón về nhà xong đánh tôi là do ghen tuông; đến tháng 3/2011 anh T viết đơn ly hôn được mọi người khuyên bảo thì hai vợ chồng về đoàn tụ. Năm 2018 tôi thi công đoàn cơ sở chồng không cho đi, nhưng tôi vẫn phải đi vì không có người nên ngày 27/9/2018 chồng đánh đi nằm viện Hà Giang. Sau đó chồng đi làm ở Hải Phòng, mỗi lần tôi gọi điện đều là em gái anh T nghe máy, còn hỏi tìm anh T làm gì. Thấy thế đầu năm 2019, tôi viết đơn ly hôn nhưng chồng không đồng ý, sau đó gia đình hòa giải tôi nhẫn nhịn quay về đoàn tụ, xong đến tháng 9/2019 anh T tháo xe máy của cơ quan, tôi đã khuyên bảo không nghe còn bảo cản đường làm ăn của chồng. Trong quá trình ở với nhau vợ chồng luôn xảy ra mâu thuẫn dẫn nên khoảng ngày 09/02/2020 (âm lịch), anh Lý Ngọc T bỏ đi đâu

không ở cùng cho đến nay. Thời gian ly thân anh T cho con Lý Danh N 100.000đ và 05kg gạo, cho Lý Trường K được 50.000đ. Mức thu nhập lương do UBND xã P chi trả 6.279.680đ/tháng (sáu triệu hai trăm bảy mươi chín nghìn sáu trăm tám mươi đồng). Ngoài ra không có thu nhập gì thêm.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên không kê khai.

Về công nợ chung: Ngày 20/6/2017 vợ chồng vay của anh Lầu Mí M (vợ là Sùng Thị M) 15.000.000đ; ngày 14/4/2015 vợ chồng vay của anh Sùng Mí G là 15.000.000đ; đều cư trú tại Thôn P, xã P, huyện B, tỉnh Hà Giang vay không lãi suất, không giấy tờ, không thời hạn vì cháu họ hàng giúp đỡ nhau. Mục đích vay trả nợ chi tiêu thiết yếu trong công việc gia đình; Riêng số tiền anh T cho rằng vay tiền anh Lầu Sáu V ở thôn P, xã P, huyện B, tỉnh H 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) khẳng định không được vay.

Tại phiên tòa yêu cầu giải quyết: Về quan hệ hôn nhân đồng ý ly hôn với anh Lý Ngọc T; Về con chung: Nguyên vọng nuôi hai con Lý Trường K và Lý Danh N, yêu cầu anh T đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con Lý Danh N 3.000.000đ/tháng (ba triệu đồng) đến khi con đủ 18 tuổi; Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết; Về công nợ chung: Đề nghị chia đôi phần nợ chung, tôi nhận trả cho chị Sùng Thị M 15.000.000đ, còn anh Lý Ngọc T trả cho anh Sùng Mí G 15.000.000đ.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Sùng Mí G trình bày: Khoảng năm 2015 tôi vay tiền Ngân hàng Chính sách xã hội chi nhánh huyện B, tỉnh Hà Giang, sau về cho vợ chồng anh T chị V vay 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng), nói bảo vay để sửa lại nhà cửa, theo lãi suất Ngân hàng là 0,5%/năm, thời hạn vay 5 năm. Tôi cùng vợ là Già Thị X đưa 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng) đến nhà anh T chị V giao tiền, khi vợ chồng nhận đủ số tiền chúng tôi không làm giấy tờ, thỏa thuận bằng miệng vì mối quan hệ vợ chồng tôi là phận con cháu trong gia đình. Nay tôi đề nghị anh Lý Ngọc T chị Sùng Thị V trả lại số tiền gốc đã vay là 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng), còn về tiền lãi suất không yêu cầu giải quyết. Ngoài ra không đề nghị gì thêm.

- Chị Sùng Thị M xác nhận: Khoảng tháng 01/2019 vợ chồng anh T chị V đến nhà hỏi vay tiền 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng), không lãi suất. Nguồn gốc tiền tôi vay Ngân hàng Chính sách xã hội thời hạn là 10 năm, kể từ tháng 01/2019. Khi vay chúng tôi không có giấy tờ chứng minh gì vì tôi là cháu họ bên chị Vừ. Nay tôi đề nghị nếu vợ chồng Sùng Thị V ly hôn thì trả lại số tiền gốc đã vay 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng). Ngoài ra không đề nghị gì thêm.

- Đối với anh Lầu Sáu V Tòa án đã tiến hành lấy lời khai anh thừa nhận có cho vợ chồng anh T chị V vay tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng), sau đó chị V đã trả xong, nên anh Lầu Sáu V từ chối không tham gia tố tụng và không yêu cầu giải quyết.

Nguyên vọng con chung của anh T, chị Vừ:

Cháu Lý Trường K và Lý Danh N, nếu bố mẹ ly hôn thì hai cháu nguyện vọng xin được ở với mẹ đẻ Sùng Thị V.

- **Về tình trạng mâu thuẫn gia đình:** Ngày 04/9/2020 trưởng thôn P cùng UBND xã P cung cấp cho Tòa án biết anh Lý Ngọc T và chị Sùng Thị V tự nguyện tìm hiểu nhau, đến ngày 09/9/2008 đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện B. Sau kết hôn hai vợ chồng chung sống hạnh phúc tại thôn P, xã P, huyện B. Nguyên nhân mâu thuẫn gia đình từ năm 2010, hai vợ chồng ghen tuông nhau, nghi ngờ không chung thủy, anh T có mối quan hệ không trong sáng, hai vợ chồng tha thứ cho nhau và về chung sống với nhau. Nhưng khi chung sống hai vợ chồng vẫn hoài nghi, không tin tưởng nhau, thường xuyên xảy ra tranh cãi, nhiều xích mích dẫn đến khoảng năm 2018 anh T bỏ đi làm công ty, chị V có xuống Hải Phòng nơi anh T làm việc, sau đó hai vợ chồng quay lại sống cùng nhau. Tuy nhiên, cuối năm 2019 vợ chồng tiếp tục xảy ra mâu thuẫn anh T có nghi ngờ chị V không chung thủy với anh và đến khoảng tháng 03/2020 anh T bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở tại Thôn N, xã P, huyện V, tỉnh Hà Giang, từ đó vợ chồng sống ly thân cho đến nay.

- Biên bản xác minh ngày 04/9/2020 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lầu Mí M; Sinh năm 1987 hiện đang có mặt tại địa phương hay không, qua xác minh chị Sùng Thị M cung cấp có mối quan hệ anh Lầu Mí M là vợ chồng hợp pháp, nhưng đến ngày 18/12/2019 chồng chị M đã chết nguyên nhân là bị ốm. Nên chị M là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng.

- Ngày 08/9/2020 Tòa án tiến hành hòa giải các đương sự những nội dung thống nhất được và những nội dung không thống nhất.

+ Hai bên đương sự anh T và chị V thỏa thuận thống nhất:

Quan hệ hôn nhân: xin thuận tình ly hôn; Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết; Về công nợ chung: Nợ anh Sùng Mí G 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng), chị Sùng Thị M 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng). Những chủ nợ có mối quan hệ họ hàng cô cháu trong nhà nên không làm giấy tờ.

+ Hai bên đương sự anh T và chị V không thỏa thuận được:

Về công nợ chung: Chị Sùng Thị V yêu cầu chia đôi phần nợ chung, chị V nhận trả cho Sùng Thị M 15.000.000đ; anh Lý Ngọc T trả cho anh Sùng Mí G 15.000.000đ. Anh Lý Ngọc T không nhất trí trả nợ mà yêu cầu chị Sùng Thị V trả hết số tiền 30.000.000đ cho chị M và anh G.

Về con chung: Chị V nguyện vọng nuôi 02 con Lý Trường K và Lý Danh N, yêu cầu anh T đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con Lý Danh N 3.000.000đ/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Anh T không nhất trí yêu cầu của chị V; anh T nguyện vọng nuôi 02 con chung và yêu cầu chị V đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con Lý Danh N 1.000.000đ/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Sùng Mí G yêu cầu vợ chồng anh T, chị V trả tiền gốc 15.000.000đ không tính lãi suất. Chị Sùng Thị M yêu cầu chị Sùng Thị V trả tiền gốc 15.000.000đ không tính lãi suất.

Tranh luận phiên tòa các bên đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm như đã đề nghị không có thay đổi, bổ sung thêm tình tiết mới.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Quá trình giải quyết vụ án của Tòa án đã thực hiện đúng các quy

định của Bộ luật tố tụng dân sự và các quy định pháp luật có liên quan như việc xác định mối quan hệ tranh chấp, tư cách của những người tham gia tố tụng, việc thu thập chứng cứ, tiến hành mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải.

Việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng nguyên đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên bị đơn chị Sùng Thị V tại phiên tòa không chấp hành khi Chủ tọa phiên tòa hỏi căn cước lý lịch chị Sùng Thị V không khai mà cho rằng trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án đã thể hiện trong hồ sơ nên chị V không khai, sau đó Chủ tọa phiên tòa nhắc nhở nhiều lần chị V mới khai về căn cước lý lịch đương sự. Tòa án đã thực hiện đầy đủ các trình tự thủ tục tố tụng, đúng các nội dung quy định tại Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 466 của Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56; Điều 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116 và Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Lý Ngọc T.

Về hôn nhân: Đề nghị công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Lý Ngọc T và chị Sùng Thị V.

Về con chung: Giao cho chị Sùng Thị V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung Lý Trường K, sinh ngày 05/7/2007, Lý Danh N, sinh ngày 23/9/2009 cho đến khi đủ 18 tuổi.

Anh Lý Ngọc T có trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cháu Lý Danh N, sinh ngày 23/9/2009 mỗi tháng 1.000.000đ (một triệu đồng) đến khi cháu Lý Danh N đủ 18 tuổi.

Về công nợ chung: Anh Lý Ngọc T trả cho anh Sùng Mí G 15.000.000đ; chị Sùng Thị V trả cho chị Sùng Thị M 15.000.000đ.

Về án phí: Các đương sự chịu tiền án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Tại phiên tòa: Vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Sùng Thị M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và trong hồ sơ đã có lời khai, không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án, căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các bên đương sự trong vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, cấp dưỡng nuôi con và chia công nợ chung” quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự, tại thời điểm thụ lý vụ án bị đơn chị Sùng Thị V có nơi cư trú tại huyện B nên

vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Giữa anh Lý Ngọc T và chị Sùng Thị V trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu nhau 01 năm, có đăng ký kết hôn hợp pháp. Mâu thuẫn gia đình giữa anh T và chị V có thật. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không tin tưởng nhau và cảm thông chia sẻ với nhau, từ đó mỗi người có một cách sống khác nhau, trong tình cảm vợ chồng chung sống luôn nghi ngờ nhau không tin tưởng nhau, cuộc sống chung không có tiếng nói chung. Từ năm 2010 đến nay vợ luôn xảy ra mâu thuẫn, qua xác minh tình trạng mâu thuẫn vợ chồng tại nơi cư trú là có thật như anh T và chị V trình bày tại phiên tòa. Từ tháng 3/2020 vợ chồng sống ly thân anh T bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở tại Thôn N, xã P, huyện V, tỉnh Hà Giang đến nay. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng tình cảm không còn, hôn nhân không tồn tại, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, mặc dù Tòa đã cố gắng hòa giải để cho vợ chồng quay về đoàn tụ hàn gắn lại những vết dạn nứt, để cùng nhau nuôi dạy các con khôn lớn như bao gia đình khác. Nhưng cả hai vợ chồng một mực yêu cầu nhất trí thuận tình ly hôn. Nên chấp nhận xử Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh T với chị V là phù hợp với quy định Điều 51, 53, 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Anh T chị V thống nhất có hai con chung Lý Trường K, sinh ngày 05/7/2007 và Lý Danh N, sinh ngày 23/9/2009. Xét nguyện vọng anh T nuôi hai con chung không được chấp nhận nên không xem xét của anh T về yêu cầu chị V đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con. Về nguyên tắc giao con từ 7 tuổi trở lên phải xem xét nguyện vọng của con tại bản tự khai cháu Khang và cháu Ngọc nếu bố mẹ ly hôn xin được ở với mẹ đẻ Sùng Thị V. Xét về điều kiện hoàn cảnh thực tế chị Sùng Thị V hiện là Chủ tịch hội phụ nữ xã P, huyện B, tỉnh Hà Giang là công chức Nhà nước mức thu nhập lương ổn định hằng tháng và nguyện vọng của cháu K và cháu N xin được ở với mẹ đẻ Sùng Thị V, nên yêu cầu của chị V nguyện vọng nuôi con được chấp nhận. Việc chị V yêu cầu anh Lý Ngọc T đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cháu Lý Danh N là 3.000.000đ/tháng là quá cao so với thực tế, vì mức cấp dưỡng nuôi con phải căn cứ vào mức thu nhập của anh T hiện anh T làm nông nghiệp khoảng 3.000.000đ/tháng ngoài ra không có thu nhập khác. Nên chấp nhận một phần của chị V buộc anh T đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cháu Ngọc 1.000.000đ/tháng. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cho chị Sùng Thị V trực tiếp nuôi cháu Lý Trường K, sinh ngày 05/7/2007 và Lý Danh N, sinh ngày 23/9/2009. Anh Lý Ngọc T đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cháu Lý Danh N 1.000.000đ/tháng cho đến khi đủ 18 tuổi là có cơ sở phù hợp với quy định tại Điều 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116 và Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về tài sản chung anh T và chị V thống nhất không yêu cầu giải quyết. Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[6] Về công nợ chung: Anh T chị V thống nhất nợ anh Sùng Mí G 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng); nợ chị Sùng Thị M 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng).

- Anh Sùng Mí G yêu cầu vợ chồng anh T chị V trả tiền gốc 15.000.000đ không tính lãi suất; chị Sùng Thị M yêu cầu chị Sùng Thị V trả tiền gốc 15.000.000đ không tính lãi suất. Việc anh G, chị M cho vợ chồng anh T chị V vay có mối quan hệ cô cháu trong gia đình nên không làm thành văn bản và được các bên thừa nhận phù hợp quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Công nợ chung của vợ chồng chia đôi mỗi người trả một nửa, việc anh T yêu cầu chị V có trách nhiệm trả hết cho anh G, chị M không được chấp nhận. Hội đồng xét xử xét thấy cần buộc anh T trả cho anh Sùng Mí G 15.000.000đ, buộc chị V trả cho chị Sùng Thị M 15.000.000đ là phù hợp Điều 466 của Bộ luật dân sự.

- Đối với anh Lầu Sáu V thừa nhận có cho vợ chồng anh T chị V vay tiền 20.000.000đ đã trả xong, anh V từ chối không yêu cầu giải quyết. Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Anh Lý Ngọc T và chị Sùng Thị V chịu tiền án phí theo quy định pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, điều 92, điều 147, 271 và khoản 1 điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điều 357, điều 466 của Bộ luật dân sự; Điều 37, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Lý Ngọc T.

2. Về hôn nhân:

Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Lý Ngọc T và chị Sùng Thị V.

3. Về nuôi con chung:

Giao cho chị Sùng Thị V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Lý Trường K, sinh ngày 05/7/2007 và cháu Lý Danh N, sinh ngày 23/9/2009 cho đến khi đủ 18 tuổi.

Anh Lý Ngọc T có trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cháu Lý Danh N, sinh ngày 23/9/2009 mỗi tháng 1.000.000đ (một triệu đồng) cho đến khi đủ 18 tuổi, chị Sùng Thị V là người trực tiếp nhận tiền cấp dưỡng hằng tháng.

Sau khi ly hôn anh Lý Ngọc T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Việc nuôi con và tiền cấp dưỡng nuôi con không cố định.

4. Về chia công nợ chung:

- Anh Lý Ngọc T trả cho anh Sùng Mí G; Nơi cư trú: Thôn P, xã P, huyện B, tỉnh Hà Giang, số tiền 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng).

- Chị Sùng Thị V trả cho chị Sùng Thị M; Nơi cư trú: Thôn P, xã P, huyện B, tỉnh Hà Giang, số tiền 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu số tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Về án phí:

- Anh Lý Ngọc T chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn 300.000đ, tiền án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000đ và tiền án phí dân sự có giá ngạch 750.000đ, tổng cộng 1.350.000đ được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí sơ thẩm anh Lý Ngọc T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Hà Giang theo biên lai số 07147 ngày 15/6/2020, anh Lý Ngọc T phải nộp thêm số tiền còn lại **1.050.000đ** (một triệu không trăm năm mươi nghìn đồng).

- Chị Sùng Thị V chịu tiền án phí dân sự có giá ngạch 750.000đ (bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

- Anh Sùng Mí G; chị Sùng Thị M không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn; bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Nguyên đơn, bị đơn;
- Người có QLVN liên quan;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã P;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Dương Văn Công